

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 1 đến ngày 7/12/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến không mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 3%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang ở mức thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy ở mức xấp xỉ với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế thấp hơn so với 7 ngày trước; so với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn 70%. + Trên sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng bởi điều tiết của các hồ chứa thủy điện tuyến trên (hồ Hòa Bình, Tuyên Quang đóng/mở 01 cửa xả đáy, hồ Thác Bà đóng/mở 02 cửa xả mặt). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 80%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 42%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ tăng so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy ở mức xấp xỉ BNN cùng kỳ. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước và dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 32%. + Trên sông Hồng: Hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 34%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến không mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy

tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 171%.
+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 54%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 164%. + Trên sông Lục Nam: lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 31%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-5mm, riêng khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế phổ biến 80-130mm, có nơi trên 130mm như trạm Huế 138.5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 44%, sông Cả tại Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 36%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 33%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 197%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 5-20mm, có nơi trên 20mm; Phía Nam phổ biến 60-130mm, có nơi trên 250mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy

thấp hơn TBNN cùng kỳ 15%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 42%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diêm thấp hơn khoảng 70%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 24%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Những ngày đầu tuần, dòng chảy trên các sông khả năng tăng cao sau giảm dần, lưu lượng dòng chảy thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 115%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-80mm, có nơi trên 120mm như Hội An (Đà Nẵng) 154.4mm, Ba Tơ (Quảng Ngãi) 125.9mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi đã xuất hiện 1 đợt lũ, dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn 251% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 309%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở mức cao trong những ngày đầu, sau giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 41% , sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 159%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 123%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 358% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 44%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-100mm, có nơi trên 250mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Những ngày đầu tuần, dòng chảy trên các sông khả năng tăng cao sau giảm dần, lưu lượng dòng chảy thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 41%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 30%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Sẽ xuất hiện một đợt lũ, đỉnh lũ ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên BĐ3. Lưu lượng dòng chảy trên các sông sẽ tăng nhanh. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn cao hơn so với

TBNN 34% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 408%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 5-20mm, có nơi trên 90mm như MĐrắc (Đắk Lắk) 96.6mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến các sông thuộc lưu vực Sê San và Srêpôk dao động theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 66%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 216%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-50mm, có nơi trên 130mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, trên lưu vực có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ nhỏ, đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ1 và trên BĐ1; lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 66%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 42%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 50% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 45% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 08/12/2025.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/12/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 9 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	65.4	>104	2.6	1.3	3.5	2.3	1.2	95.9	5.8	112.6	>221
	Sơn La	81.2	>105	2.7	1.7	4.8	3.8	1	42.2	3.9	60.1	>182
	Hòa Bình	402.4	>541	2.8	0.3	0	0	20.7	57.1	18.6	99.5	>111
	Lào Cai	336.1	>489	6.4	3	5.7	1.5	0.2	92.3	5.8	114.9	>345
	Yên Bái	286.9	>337	6.4	2.2	0.3	0.3	35.1	137.5	19.5	201.3	>393
	Tuyên Quang	160.5	>301	6	0.3	0.1	0	23.4	79.5	3.7	113	>185
	Hà Giang	219.2	>219	3.1	5.3	1.6	0.1	15.9	93	3.6	122.6	>123
	Láng	444.4	>661	1.7	0.4	0	0.1	28.9	57.8	7.6	96.5	>222
	Thái Bình	139	>71	0.3	0.1	0.4	1	9.5	10.4	17.5	39.2	>10
	Nam Định	148.6	>97	2.6	0.2	0.1	0.4	5.8	13.1	16.8	39	>14
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	262.9	>530	16.5	2.7	0.2	0	17.4	99.8	6	142.6	>768
	Thái Nguyên	290.1	>480	3.5	0.5	0.1	0.1	47.7	74.5	1.4	127.8	>399
	Bắc Ninh	208.2	>278	2.5	0	0	0.1	68.4	46.4	0.7	118.1	>300
	Lạng Sơn	237.1	>439	1.2	0.1	0.1	0.1	81.8	28.1	3.9	115.3	>544
	Bắc Giang	89.2	>109	1.3	0.1	0.1	0	85.4	54.8	1.8	143.5	>732
	Hải Dương	110.3	>84	1.7	0	0.1	0.1	55.8	65.6	8.5	131.8	>383
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	360	>400	1.3	0.6	0.3	0	1.7	35.8	22.2	61.9	>51
	Bái Thượng	436.8	>504	1.8	0.2	0.3	0.3	0.5	61.7	18.6	83.4	>70
	Thanh Hóa	360.2	>263	2	0.4	0	0.3	0	70.9	36.4	110	>74
	Quỳ Châu	423.8	>213	4.2	1.1	0	0.1	2.4	9.6	19.4	36.8	<40
	Cửa Rào	311.7	>503	1.9	1.3	0.1	0.1	7.2	4.1	11.6	26.3	<34
	Đô Lương	468.4	>318	2.5	0.2	0	0.1	0.1	2.6	26.8	32.3	<66

Khu vực	Trạm	Thực đo 9 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	632.8	>385	1.6	0.1	0	0.2	0.4	1.1	23.6	27	<75
	Hương Sơn	490.5	>242	2.2	0.1	0	0.8	0.3	6.8	19	29.2	<80
	Hương Khê	514.3	>201	2.5	0.1	1.3	0.1	0.1	0	14.6	18.7	<88
	Hà Tĩnh	336.2	>130	2.4	0	0	0.9	0.6	0.3	12.7	16.9	<90
	Đồng Hới	297.3	>60	2.3	0.1	0.8	1	0.5	0.5	7.2	12.4	<92
	Quảng Trị	442.8	>147	0.2	0	2.3	1.9	0.1	1.1	8.7	14.3	<90
	Nam Đông	380.6	>84	0.6	0.1	6.5	2.1	0.3	2.6	9.4	21.6	<90
	Huế	688.1	>288	0.6	0.3	2.6	3.2	0.1	0.6	7.9	15.3	<91
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	355.3	>139	1.4	0.2	0.1	0.7	0	0.9	10.2	13.5	<89
	Trà My	69.9	<54	1	0	1.7	5.2	2.7	0.9	10.3	21.8	<87
	Ba Tơ	90.5	<28	2	1.4	1.9	11.9	2.1	2.8	14.1	36.2	<76
	Quảng Ngãi	60.3	<58	0.5	1.5	3.9	4.9	4.3	0.2	12.6	27.9	<77
	Quy Nhơn	184.5	>68	1.3	3.9	7.3	24.1	0	1.9	7.5	46	<62
	An Khê	104.8	>35	2.6	0.6	5.2	23.9	0	1.2	10.2	43.7	<47
	Tuy Hòa	68.7	<30	0.9	2.5	3.1	9.5	0.2	0.1	7.9	24.2	<78
	Nha Trang	219.3	>176	0.8	1.7	6.9	14.9	0	9.4	15.2	48.9	<18
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	138.1	>41	0.5	0.1	0.9	9.9	1.4	2.7	9.1	24.6	<61
	Lắk	202.5	>88	11.4	5.1	7	2.7	1.2	2.9	5.9	36.2	<52
	Buôn Mê Thuật	161.7	>58	0.2	0.4	0.8	14.6	1.6	1	13.5	32.1	<55
	Biên Hòa	277.2	>153	3.7	3.9	19.8	8.1	13	4.3	5.9	58.7	<27
	Cần Thơ	56.4	<30	17.2	3.9	8.2	17.2	0.3	3.2	2.3	52.3	<25

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/12/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 9 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	252	<3	17	16	15	15	14	13.0	12	102	<42
Lô	Tuyên Quang	248	>2	28	27	26	25	25	24.0	25	180	≈TBNN
Đà	Hồ Hòa Bình	955	>70	95.0	99.4	95	86.4	89	84.7	86.4	824	>32
Hồng	Hà Nội	1652	>80	135	125	116	107	125	144	154	907	>34
Cầu	Gia Bảy	53.6	>171	9.07	7.17	4.99	4.13	4.13	3.7	4.13	37.4	>164
Lục Nam	Chũ	8.79	>54	0.89	0.85	0.81	0.76	0.72	0.7	0.72	5.47	>31
Mã	Cầm Thủy	268	> 44	14.8	15	15.1	14.8	15.1	15.9	15.1	106	< 15
Cả	Yên Thượng	306	~ TBNN	16.1	16.3	16.4	16.1	16.4	17.2	16.4	115	< 42
La	Hòa Duyệt	175	> 33	8.13	8.21	8.29	8.13	8.29	8.7	8.29	58.1	< 24
Tả Trách	Thượng Nhật	66.5	> 197	6	6.9	7.6	6.9	6.3	5.8	5.4	44.9	> 115
Thu Bồn	Nông Sơn	1845	> 251	121	131	138	125	114	107	95	831	> 41
Trà Khúc	Sơn Giang	1573	> 309	75.2	82.9	99.4	79.5	76	71.7	67.4	552	> 30
Ba	Củng Sơn	1058	>159	53.6	53.6	190	82.1	73.4	64.8	57.0	575	>34
Cái N,T	Đồng Trăng	152.4	>123	11.2	11.2	190	130	64.8	47.5	29.4	484	>408
ĐăkBla	KonTum	32	< 66	2	2.57	3.63	4.75	3.46	3.1	3.01	23	< 64
Srêpôk	Giang Sơn	466	> 216	25.8	24.2	22.7	20.9	22.1	23.2	23.9	163	> 42
Tiền	Tân Châu			1584	1541	1489	1436	1384	1341	1298	10073	>50
Hậu	Châu Đốc			285	276	268	259	251	241	229	1810	>45